

Số: 2684 /QĐ-UBND

Bắc Từ Liêm, ngày 09 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia theo TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Căn cứ Văn bản xác nhận của Chủ tịch UBND ngày 09 / 9 /2022 về việc Hệ thống quản lý chất lượng được áp dụng có hiệu lực tại UBND Quận;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng HĐND-UBND Quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND quận Bắc Từ Liêm phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND Quận, Trưởng các phòng chuyên môn, các cán bộ, công chức, nhân viên và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Hà Nội;
- TTQU-HĐND-UBND Quận;
- Như điều 3(Để thực hiện);
- Lưu: VT, KT, BPTNHSCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Hà

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND QUẬN BẮC TỪ LIÊM
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2684 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
I. THỦ TỤC THEO MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG			
1.	Chính sách chất lượng	CSCL	01
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	04
3.	Bản mô tả mô hình HTQLCL	BMT	04
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	QT-01	04
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	04
6.	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-03	04
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	04
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	04
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	04
II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			
10.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GD	05
11.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-02/GD	05
12.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GD	05
13.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-04/GD	04

14.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập)	QT-05/GD	05
15.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-06/GD	05
16.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-07/GD	05
17.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-08/GD	05
18.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-09/GD	05
19.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-10/GD	05
20.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-11/GD	05
21.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-12/GD	05
22.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT-13/GD	05
23.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-14/GD	05
24.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-15/GD	05
25.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở (Đối với học sinh chuyển trường từ tỉnh, thành phố khác đến)	QT-16/GD	05
26.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-17/GD	05
27.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-18/GD	05
28.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT-19/GD	05
29.	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-20/GD	05
30.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-21/GD	05

31.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-22/GD	05
32.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-23/GD	04
33.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-24/GD	04
34.	Quy trình đánh giá xếp loại "Cộng đồng hoạt động" cấp xã	QT-25/GD	05
35.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-26/GD	02
36.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-27/GD	02
37.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn khu công nghiệp	QT-28/GD	02
38.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	QT-01/KT	05
39.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/KT	05
40.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/KT	05
41.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	QT-04/KT	05
42.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu.	QT-05/KT	05
43.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu.	QT-06/KT	05
44.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	QT-07/KT	05

45.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-08/KT	05
46.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	QT-09/KT	05
47.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá sữa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	QT-10/KT	05
48.	Tiếp nhận Bản tự công bố sản phẩm trong sản xuất	QT-11/KT	05
49.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	QT-12/KT	05
50.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	QT-13/KT	03
51.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận)	QT-14/KT	05
52.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-15/KT	05
53.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-16/KT	05
54.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-17/KT	05
3. Lĩnh vực Văn hóa Thông tin			
55.	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	QT-01/VHTT	04
56.	Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-02/VHTT	03
57.	Đăng ký tổ chức lễ hội	QT-03/VHTT	04

58.	Thông báo tổ chức lễ hội	QT-04/VHTT	04
59.	Công nhận lần đầu “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-05/VHTT	04
60.	Công nhận lại “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”	QT-06/VHTT	04
61.	Xét tặng danh hiệu “Khu dân cư văn hóa hàng năm”	QT-07/VHTT	04
62.	Xét tặng giấy khen “Khu dân cư văn hóa”	QT-08/VHTT	04
63.	Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	QT-09/VHTT	04
64.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-10/VHTT	04
65.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-11/VHTT	04
66.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-12/VHTT	04
67.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-13/VHTT	04
68.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-14/VHTT	04
69.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-15/VHTT	04
70.	Cấp giấy phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động	QT-16/VHTT	04
71.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-17/VHTT	04
72.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-18/VHTT	04
73.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-19/VHTT	04
74.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-20/VHTT	04

75.	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-21/VHTT	02
76.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia tách thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-22/VHTT	02
77.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-23/VHTT	02
4. Lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội			
78.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia giúp Lào và Căm-phu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg	QT-01/LĐ	04
79.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-02/LĐ	04
80.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-03/LĐ	04
81.	Hỗ trợ chi phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động.	QT-04/LĐ	04
82.	Hỗ trợ học phí học nghề ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng, hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động khi bị thu hồi đất.	QT-05/LĐ	04

83.	Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-06/LĐ	04
84.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-07/LĐ	04
85.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng LĐTB&XH	QT-08/LĐ	04
86.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-09/LĐ	04
87.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng LĐTB&XH cấp	QT-10/LĐ	04
88.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT-11/LĐ	04
89.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT-12/LĐ	04
90.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội	QT-13/LĐ	04
91.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-14/LĐ	04
92.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị Xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-15/LĐ	04
93.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-16/LĐ	04
94.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-17/LĐ	04
95.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-18/LĐ	04

96.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT-19/LĐ	04
97.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-20/LĐ	04
98.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn cho nạn nhân	QT-21/LĐ	04
99.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT-22/LĐ	04
100.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh	QT-23/LĐ	02
101.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-24/LĐ	02
102.	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh theo điểm 1, khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14	QT-25/LĐ	01
103.	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	QT-26/LĐ	01
104.	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-27/LĐ	01
105.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ	QT-28/LĐ	01
106.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT-29/LĐ	01
107.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-30/LĐ	01
108.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-31/LĐ	01
109.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình	QT-32/LĐ	01

110.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-33/LĐ	01
111.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-34/LĐ	01
112.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đầy	QT-35/LĐ	01
113.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-36/LĐ	01
114.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-37/LĐ	01
115.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-38/LĐ	01
116.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-39/LĐ	01
117.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-40/LĐ	01
118.	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-41/LĐ	01

5. Lĩnh vực Nội vụ

119.	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	QT-01/NV	05
120.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện.	QT-02/NV	05
121.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều phường thuộc 1 quận.	QT-03/NV	05

122.	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một quận.	QT-04/NV	05
123.	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một quận.	QT-05/NV	05
124.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một quận.	QT-06/NV	05
125.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một quận.	QT-07/NV	05
126.	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một phường nhưng trong địa bàn một quận của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.	QT-08/NV	05
127.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-09/NV	05
128.	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-10/NV	05
129.	Tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.	QT-11/NV	05
130.	Tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-12/NV	05
131.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề.	QT-13/NV	05
132.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận về thành tích đợt xuất	QT-14/NV	05

133.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận về khen thưởng đối ngoại	QT-15/NV	05
134.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận dành cho gia đình	QT-16/NV	05
135.	Công nhận Ban vận động thành lập hội	QT-17/NV	05
136.	Cho phép thành lập hội	QT-18/NV	05
137.	Phê duyệt điều lệ hội	QT-19/NV	05
138.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT-20/NV	05
139.	Cho phép đổi tên hội	QT-21/NV	05
140.	Hội tự giải thể	QT-22/NV	05
141.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT-23/NV	05
142.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-24/NV	05
143.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT-25/NV	05
144.	Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-26/NV	03
145.	Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-27/NV	03
146.	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-28/NV	03
6. Lĩnh vực Tài chính Kế hoạch			
147.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/TCKH	04
148.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/TCKH	04
149.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-03/TCKH	04
150.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-04/TCKH	04
151.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-05/TCKH	04

152.	Đăng ký thành lập Hợp tác xã	QT-06/TCKH	04
153.	Đăng ký thành lập chi nhánh, VP đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT-07/TCKH	04
154.	Thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã	QT-08/TCKH	04
155.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Hợp tác xã	QT-09/TCKH	04
156.	Đăng ký hợp tác xã chia	QT-10/TCKH	04
157.	Đăng ký hợp tác xã tách	QT-11/TCKH	04
158.	Đăng ký hợp tác xã hợp nhất	QT-12/TCKH	04
159.	Đăng ký hợp tác xã sáp nhập	QT-13/TCKH	04
160.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Trường hợp bị hỏng)	QT-14/TCKH	04
161.	Giải thể tự nguyện HTX	QT-15/TCKH	04
162.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX	QT-16/TCKH	04
163.	Tạm ngừng hoạt động của HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh HTX	QT-17/TCKH	04
164.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	QT-18/TCKH	04
165.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký HTX	QT-19/TCKH	04
166.	Thay đổi cơ quan đăng ký HTX	QT-20/TCKH	04
167.	Quyết định điều chuyển tài sản công	QT-21/TCKH	01
168.	Quyết định thanh lý tài sản công	QT-22/TCKH	01
7. Lĩnh vực Tư pháp			
169.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/TP	05
170.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/TP	05
171.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/TP	05

172.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/TP	05
173.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-05/TP	05
174.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/TP	05
175.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/TP	05
176.	Thay đổi hộ tịch	QT-08/TP	05
177.	Cải chính hộ tịch	QT-09/TP	05
178.	Xác định lại dân tộc	QT-10/TP	05
179.	Bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	QT-11/TP	05
180.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài	QT-12/TP	05
181.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-13/TP	05
182.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-14/TP	05
183.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-15/TP	05
184.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-16/TP	05
185.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-17/TP	05
186.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-18/TP	05
187.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-19/TP	05
188.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-20/TP	05
189.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-21/TP	05

190.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-22/TP	05
191.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-23/TP	05
192.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-24/TP	05
193.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-25/TP	05
194.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-26/TP	05
195.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	QT-27/TP	05
196.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT-28/TP	05
197.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-29/TP	05
198.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-30/TP	05
199.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-31/TP	05
200.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-32/TP	05
201.	Phục hồi danh dự	QT-33/TP	05
202.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-34/TP	05
8. Lĩnh vực Quản lý đô thị			

203.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-01/QLĐT	01
204.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-02/QLĐT	01
205.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-03/QLĐT	01
206.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-04/QLĐT	01
207.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-05/QLĐT	01

208.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-06/QLĐT	01
209.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	QT-07/QLĐT	01
210.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT-08/QLĐT	01
9. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường			
211.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất	QT-01/TNMT	04
212.	Chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở cho hộ gia đình, cá nhân.	QT-02/TNMT	04
213.	Thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp quận	QT-03/TNMT	04
214.	Lấy ý kiến của UBND cấp xã đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-04/TNMT	04
215.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-05/TNMT	04
10. Lĩnh vực Y tế			
216.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở dịch vụ ăn uống	QT-01/YT	05
11. Lĩnh vực Thanh tra			
217.	Tiếp công dân	QT-01/TT	04
218.	Xử lý đơn thư	QT-02/TT	04
219.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-03/TT	04

220.	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-04/TT	04
221.	Giải quyết tố cáo	QT-05/TT	04
III. QUY TRÌNH NỘI BỘ			
1. Lĩnh vực Kinh tế (Nông nghiệp)			
222.	Tiếp nhận và xác nhận hồ sơ quyết toán thủy lợi phí cho các xí nghiệp thủy lợi trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm	QT-01/KT.NB	05
2. Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch			
223.	Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại UBND quận	QT-01/TP.NB	04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
(LẦN THỨ 4)

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND quận Bắc Từ Liêm
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với hoạt động
quản lý nhà nước**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2684 /QĐ-UBND
ngày 09 tháng 9 năm 2022)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Bắc Từ Liêm, ngày 09 tháng 9 năm 2022

CHỦ TỊCH



Lưu Ngọc Hà

Bắc Từ Liêm, ngày 09 tháng 9 năm 2022

BẢN XÁC NHẬN
**Hiệu lực của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN
ISO 9001:2015 tại UBND quận Bắc Từ Liêm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND-UBND Quận,

XÁC NHẬN

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng tại UBND quận Bắc Từ Liêm có hiệu lực đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng tiêu chuẩn quốc gia và mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng của Bộ KH&CN./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN Hà Nội (để b/c);
- Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL Hà Nội;
- TTQU-HĐND-UBND Quận;
- Ban chỉ đạo ISO;
- Lưu: VT, KT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Hà